

# TĂNG CƯỜNG VỐN XÃ HỘI VÀ NÂNG CAO KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA CỘNG ĐỒNG

Pamela McElwee<sup>1</sup>, Nghiêm Phương Tuyến<sup>2</sup>,  
Vũ Diệu Hương<sup>2</sup>, Lê Thị Vân Huệ<sup>2</sup>, Phạm Việt Hùng<sup>2</sup>  
<sup>1</sup> Đại học Arizona, Hoa Kỳ,  
<sup>2</sup> Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN

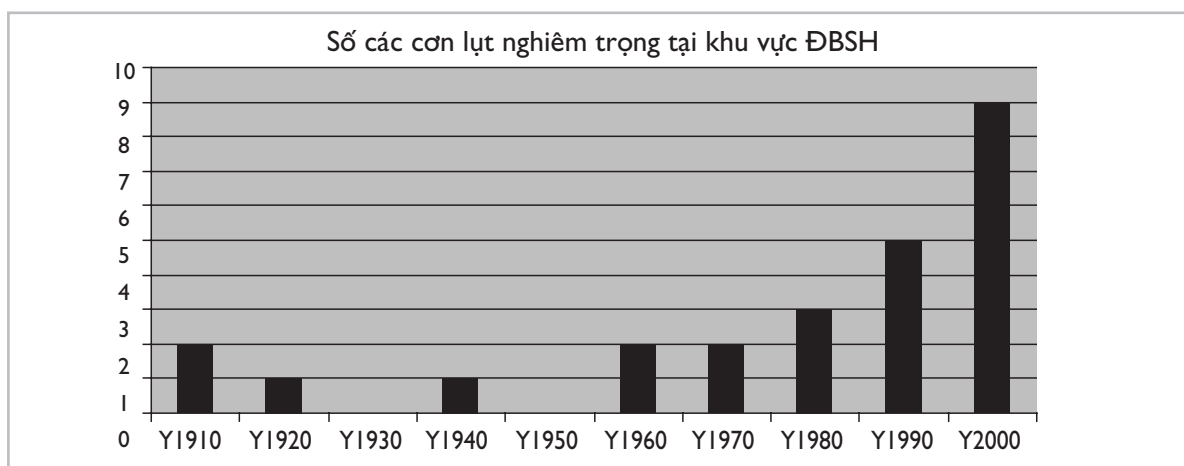
## ABSTRACT

This study was part of the EEPSEA Cross-country Project on Adaptation Behavior in Response to Extreme Climate Events in Southeast Asia and China which was conducted over five countries: Vietnam, Indonesia, Philippines, Thailand and China in 2009. Conducted in Vietnam's Red River Delta (Chuong My District), the study focused on past extreme typhoons and the adaptation measures taken by the various sectors with a view to accurately assess the adaptive capacity of communities and make recommendations to increase community resilience to climate change. The study found that local villagers have been exercising mutual help, and collective action at different degrees and this built up their social capital. In order to improve social capital to adaptation needs, closer cooperation among different groups in the community and new thinking about the administrative structures and functions are needed.

## SỰ CẦN THIẾT TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA CỘNG ĐỒNG

Hậu quả của các cơn lụt và mưa to trong hơn 30 năm qua tại đồng bằng sông Hồng rất rõ ràng, từ năm 1976 đến 2003, các đợt lũ lụt đã làm 15.853 người thiệt mạng, ngập úng 2,7 triệu ha đất nông nghiệp và phá hủy 22.766 tàu thuyền và 13,4 triệu ngôi nhà. Tổng cộng, thiệt hại kinh tế ước tính lên tới 3,5 tỷ đô la Mỹ (Trần Đăng, 2004).

Theo số liệu của Viện Khí tượng Thủy văn (Nguyễn Văn Việt, 2008) cho thấy tần suất và tính nghiêm trọng của các thiệt hại do bão lụt gây ra tại miền Bắc Việt Nam tăng lên rõ ràng (Hình 1). Ví dụ, vào đầu Thế kỷ XX, chỉ có 4 đợt lụt nghiêm trọng với mưa to. Tuy nhiên, từ năm 1960 trở lại đây, đã có khoảng 21 cơn bão và lụt nghiêm trọng và thời gian xảy ra lụt lội cũng tăng lên.



Nguồn: Trần Tiến Khanh và Nguyễn Khoa Diệu Lê, 2001.

Hình 1. Tần suất các cơn lụt tại đồng bằng sông Hồng từ 1900-2000

Hậu quả của việc gia tăng tần suất và cường độ của các cơn lụt lội có thể được nhìn thấy rõ ràng qua thiệt hại kinh tế. Trong suốt 10 năm từ 1994 đến 2003, tổng thiệt hại do bão lũ và lụt gây ra tại đồng bằng sông Hồng chiếm 83% tổng thiệt hại trong 26 năm tính từ 1976 đến 2003 (Bảng 1). Bộ Thủy sản cũng quan sát được điều này, cho rằng trong giai đoạn từ 2001 đến 2006, các thiên tai có xu hướng ngày càng không thể dự báo trước được với cường độ, tần suất và thể loại gia tăng (Ministry of Fisheries, 2005). Chi phí kinh tế như vậy có xu hướng gia tăng trong tương lai và thể hiện sự cần thiết phải tìm hiểu và xây dựng các phương pháp thích nghi có chi phí thấp với những cơn lụt nghiêm trọng.

**Bảng 1.** Mất mát và thiệt hại do lụt và bão gây nên từ 1976-2003

AV	Số lượng	% trong giai đoạn 1994-2003
Người chết	8.535	53%
Thuyền và tàu bị mất	8.500	37%
Nhà bị mất	7.400,000	55%
Mất mát tính ra tiền (USD)	2,9 tỷ	83%

Nguồn: Trần Đăng, 2004.

Việt Nam đã thực hiện một số nghiên cứu quan trọng nhằm tìm ra cách can thiệp thích hợp để ngăn chặn thiệt hại do bão lụt gây ra. Tuy nhiên, phần lớn các biện pháp ngăn chặn của Nhà nước đều mang tính kỹ thuật và trong các nghiên cứu hoặc chính sách lại không đề cập đến sự thích nghi của người dân địa phương và cộng đồng địa phương. Dựa trên thực tế các đợt bão lụt đều có xu hướng gia tăng cả về cường độ lẫn tần suất dưới kịch bản biến đổi khí hậu của Việt Nam, rõ ràng người dân địa phương sống trong khu vực đồng bằng châu thổ sông Hồng cần được nâng cao khả năng chống chịu của họ, như vậy họ có thể chủ động hơn trong việc sống chung với lũ lụt và cần xây dựng các chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động chống chịu đó. Điều quan trọng là cần phải hiểu được các hoạt động thích nghi của các cá nhân và cộng đồng như thế nào, những rào cản nào đối với hoạt động thích nghi và làm thế nào có thể nâng cao khả năng thích nghi trong tương lai. Việc tìm hiểu rõ như vậy sẽ là cơ sở lý thuyết cho các chính sách can thiệp cần thiết của Nhà nước.

Dựa trên kết quả nghiên cứu tại huyện Chương Mỹ (Hà Nội), bài viết này tập trung thảo luận về các nguồn vốn xã hội tại địa phương trên các góc độ: các hoạt động tập thể tại cộng đồng do các nhóm hộ gia đình thực hiện, sự trao đổi, hợp tác của các hộ gia đình về lao động và trợ giúp tài chính trước, trong và sau các sự kiện khí hậu cực đoan, kiến thức truyền thống trong thích ứng với các hiện tượng khí hậu. Nhóm nghiên cứu tin tưởng rằng, các nguồn vốn xã hội này có thể giúp tăng cường khả năng chống chịu và thích nghi với biến đổi khí hậu của người dân địa phương.

## ĐỊA ĐIỂM NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được thực hiện tại huyện Chương Mỹ (Hà Nội). Điểm nghiên cứu có điều kiện tự nhiên và kinh tế-xã hội như sau:

### Điều kiện tự nhiên

Huyện Chương Mỹ cách Hà Nội 20 km về phía Tây. Huyện có diện tích tự nhiên khoảng 23.240 hecta, trong đó, 11.859 hecta được sử dụng cho nông nghiệp. Phía Tây và Tây Nam của huyện giáp tỉnh miền núi Hòa Bình. Có ba con sông chảy trên địa bàn huyện, là các sông Đáy (dài 28 km), Bùi (23 km) và Tích (5 km). Huyện có nhiều hồ chứa nước, trong đó hồ Đông Sơn rộng 203 hecta, Vân Sơn 168 hecta, Hà Tiên 47 hecta và Miếu 17,8 hecta. Lượng mưa trung bình của huyện là 1.700 mm, trong đó 70% tập trung vào các tháng 7, 8 và 9. Gần đây, mưa to cũng xuất hiện vào tháng 10 và tháng 11.

Huyện Chương Mỹ chịu từ 4 đến 5 cơn bão hàng năm. Tốc độ gió trong cơn bão lên tới cấp 10 và 11, gây ra nhiều thiệt hại cho tài sản và cây trồng của người dân. Huyện cũng nằm trong khu vực phân lũ của Hà Nội. Khi mực nước của sông Hồng lên tới mức báo động, cửa cống phân lũ sẽ được mở để thu hút nước lũ về phía huyện nhằm giải cứu cho Thủ đô. Hoạt động này sẽ làm cho 32 xã và thị trấn trong huyện chìm ngập trong nước.

Năm 2008, lượng mưa của huyện lên tới 2.698 mm. Trong vòng một tuần (từ ngày 30 tháng 10 đến 7 tháng 11), lượng mưa chạm đỉnh 465 mm/ngày. Đợt mưa này đã gây ra lũ và ngập lụt nghiêm trọng trong huyện, gây ra những thiệt hại nặng nề cho sản xuất nông nghiệp (đặc biệt là thủy sản) và tài sản của người dân (UBND huyện Chương Mỹ, 2009).

Xã Tân Tiến nằm cách trung tâm huyện Chương Mỹ 6 km. Xã có 1.269 hecta diện tích tự nhiên (xem chi tiết phân loại đất trong Bảng 2). Dân số của xã là 9.861 người, sống trong 2.065 hộ gia đình. Xã có 5 thôn và 1 xóm. Chúng tôi chọn xã Tân Tiến là điểm nghiên cứu vì đây là xã chịu ảnh hưởng nặng nề của trận lụt năm 2008.

**Bảng 2.** Sử dụng đất tại xã Tân Tiến (huyện Chương Mỹ)

Số TT	Loại đất	Diện tích (ha)
1	Nông nghiệp	795
2	Ao hồ	95
3	Vườn	115
4	Đất đặc dụng (trường học, v.v...)	103
5	Thổ cư	35
6	Chưa sử dụng	126
	<b>Tổng diện tích</b>	<b>1.269</b>

Nguồn: UBND xã Tân Tiến, 2009.

### Điều kiện kinh tế-xã hội

Như trên đã đề cập, Chương Mỹ là huyện nằm ở phía Tây địa bàn Hà Nội. Phía Tây và Tây Nam của huyện giáp tỉnh miền núi Hòa Bình. Vùng này có địa hình đồi núi và địa thế cao hơn các nơi khác trong huyện. Huyện có 31 xã và 2 thị trấn (Chúc Sơn và Xuân Mai). Trong đợt điều tra gần đây nhất (tháng 5 năm 2009), toàn huyện có 284.183 người, sinh sống trong 67.980 hộ (Báo Lao động, 2009). Dân số nông thôn có 248.099 người, sống trong 60.474 hộ. Dân số đô thị có 36.084 người, sống trong 7.416 hộ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 16% (2006-2008). Thu nhập bình quân trên đầu người là 8,8 triệu đồng/năm. Toàn huyện có 8.800 hộ thuộc diện nghèo đói và khoảng 2.000 được xếp vào nhóm cận nghèo.

Nằm trên bờ hữu ngạn của sông Bùi, xã Tân Tiến trải dài trên diện tích 362 hecta (xem chi tiết sử dụng đất trong bảng dưới). Xã có 5 thôn và 1 xóm. Dân số trong xã là 10.160 người, sinh sống trong 2.045 hộ. Tân Tiến (một thôn thuộc Tân Tiến) chịu ảnh hưởng nặng nề của trận lụt năm 2008.

**Bảng 3.** Sử dụng đất ở thôn Tiến Tiên (Chương Mỹ)

Số TT	Loại đất	Diện tích (ha)
1	Nông nghiệp	210.3
2	Ao hồ	57.5
3	Sông suối	11.1
4	Đồi núi trọc	40
5	Nghĩa trang	2.8
6	Đường sá, kênh mương	9.2
7	Đền, chùa	1.8
8	Trụ sở hành chính	10.7
9	Chuồng trại	2.8
10	Thổ cư	9.5
11	Trường học	0.4
12	Khác	6
	<b>Tổng diện tích</b>	<b>362.1</b>

Nguồn: UBND xã Tân Tiến, 2009.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

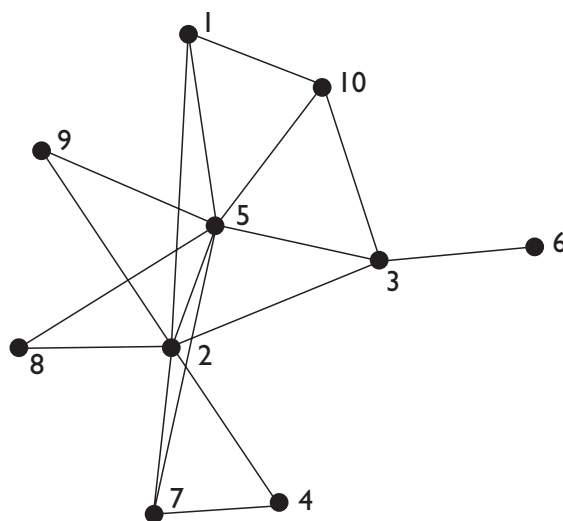
Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

**Phỏng vấn cá nhân:** Nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn các cán bộ huyện và xã thuộc các lĩnh vực khác nhau có liên quan đến BDKH. Những cán bộ này thuộc các tổ chức như: Ban Chỉ huy Phòng chống Lũ lụt huyện, xã, thôn; cán bộ Phòng Nông nghiệp và Tài nguyên và Môi trường, tài chính kế hoạch, hoặc các cán bộ thuộc khối cơ quan đoàn thể như: Hội Nông dân, Phụ nữ, Chữ thập Đỏ, v.v... Phỏng vấn cá nhân cũng tập trung vào vấn đề thực hiện các hoạt động thích nghi, ví dụ như các điều kiện thực hiện và các khó khăn cản trở đối với việc thực hiện. Cán bộ nghiên cứu thu thập các thông tin và số thống kê về xu hướng phát triển kinh tế-xã hội, giáo dục, y tế - những vấn đề có thể có ảnh hưởng đến năng lực thích nghi của địa phương.

**Thảo luận nhóm:** Chúng tôi cũng đã tiến hành thảo luận nhóm với cán bộ và người dân địa phương. Các chủ đề thảo luận bao gồm: lịch sử các sự kiện thiên tai tại địa phương (tập trung vào lũ lụt), các biện pháp thích nghi do cộng đồng địa phương thực hiện, phân tích tìm hiểu lý do tại sao một số biện pháp được thực hiện hay không thực hiện. Chúng tôi cũng tập trung tìm hiểu cách thức người dân địa phương học hỏi và giúp đỡ lẫn nhau để giảm thiểu hiểm họa và tính dễ tổn thương và các thể chế xã hội này thực hiện ra sao trong các hoàn cảnh khác biệt.

**Phỏng vấn hộ:** Tổ chức thực hiện phỏng vấn sâu các hộ gia đình được lựa chọn ngẫu nhiên. Phỏng vấn nhằm tìm hiểu sự tham gia của các hộ dân vào các hoạt động chung của cộng đồng, nhằm ứng phó với BDKH.

**Phân tích mạng lưới xã hội:** Đây là một phương pháp mới để đánh giá chức năng và sự thành công của mạng lưới xã hội (Hanneman and Riddle, 2005). Chúng tôi điều tra phỏng vấn các cá nhân và hộ gia đình để xác định mức độ tương tác giữa các cá nhân trong cộng đồng (ví dụ: giúp đỡ nhau trước, trong và sau trận lụt, ai cung cấp thông tin, ai trợ giúp tài chính, v.v...). Các mối quan hệ tương tác được thể hiện như trong Hình 2 để nhận diện các loại hình quan hệ xã hội khác nhau xuất hiện trong các hoạt động thích ứng. Sau đó, có sự so sánh mức độ quan trọng của các mối quan hệ xã hội này để đưa ra nhận định về nơi tập trung các mối quan hệ chủ chốt có ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng quyết định tới hoạt động thích ứng (ví dụ: trong Hình 2, vị trí số 2 và 5 cho thấy đây là nơi tập trung nhiều mối quan hệ xã hội). Từ nhận định này, có thể tập trung xây dựng và phát triển các mối quan hệ này, nhằm tăng cường khả năng chống chịu của cộng đồng.



Nguồn: Hanneman and Riddle, 2005.

**Hình 2.** Mạng lưới xã hội (một ví dụ về sự kết nối giữa 10 cá nhân)

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Như đã đề cập ở trên, trong bài viết này chúng tôi muốn đề cập đến vấn đề vốn xã hội trong các phạm trù sau: nguồn kiến thức truyền thống về các hiện tượng khí hậu, các hoạt động trợ giúp (về lao động, tài chính) của các hộ/nhóm gia đình và các hoạt động tập thể được thực hiện trước, trong và sau các sự kiện thời tiết cực đoan.

### Kiến thức truyền thống về các hiện tượng khí hậu

Kiến thức truyền thống của người dân địa phương về các hiện tượng khí hậu là đặc biệt phong phú. Các kiến thức này thường liên quan đến việc dự đoán các hiện tượng như bão, lụt thông qua khả năng quan sát các biểu hiện đặc biệt của trời, mây, con nước, hoạt động của các loài vật, v.v... (Bảng 4). Khi được hỏi liệu có biết các kiến thức truyền thống về quản lý thiên tai không và có cho rằng những kiến thức đó có ích đối với người dân trong việc chống lại thiên tai không, thì có tới 42% người được hỏi đều trả lời là “có”.

Gần 60% số người được hỏi kể rằng họ thường nhìn lên trời để dự báo thời tiết. Ví dụ, nếu nhiều mây đen kéo đến từ phía Đông, thì trời chắc chắn sẽ mưa to. Khoảng 20% số người được hỏi ở Chương Mỹ nói rằng họ thường quan sát cây cối để dự đoán. Ví dụ như năm nào được mùa nhãn bội thu thì chắc chắn năm đó nước sẽ lên cao. Bên cạnh đó, 11% số người được hỏi cũng nói rằng họ dựa vào phản ứng của con vật để đoán thời tiết. Ví dụ như nếu ong làm tổ ở trên cao thì cơn bão lụt năm đó sẽ rất lớn.

Một số ít người được hỏi ở Chương Mỹ (11%) có đề cập rằng họ luôn chuẩn bị sẵn thuyền hoặc nếu có điều kiện thì xây nhà kiên cố. Như vậy, họ có thể chống đỡ được các cơn thiên tai dù mạnh hay yếu. Tuy nhiên, nhiều người được phỏng vấn đều nhận định chung rằng, ngày nay do thời tiết thay đổi thất thường nên họ khó có thể dự đoán đúng và chính xác được thời tiết như xưa dựa theo những kiến thức truyền thống mà họ học được. Vì vậy mà ngày nay, ngày càng nhiều người xem tivi hoặc nghe đài các tin tức về bão lụt để họ có thể lên kế hoạch sơ tán gia đình họ hơn là chỉ đơn thuần dựa vào kiến thức truyền thống từ xưa để lại.

**Bảng 4.** Kiến thức truyền thống về ứng phó với các hiện tượng khí hậu

Kiến thức	Số người biết	%
Nhìn trời	36	58%
Xem cỏ cây, hoa lá	12	19%
Theo dõi các hoạt động của các loài chim, thú	7	11%
Other	7	11%

Nguồn: Điều tra hộ gia đình, 2009.

### Các hoạt động trợ giúp lẫn nhau

Các hộ gia đình chúng tôi phỏng vấn khẳng định có sử dụng nhiều sự giúp đỡ từ họ hàng và bạn bè của họ trong thôn xóm và cả từ các xã hoặc huyện khác. Họ cần giúp đỡ trong các công việc như gieo cấy, cấy hái, ma chay hay ốm đau, hoặc họ có thể ở nhờ tại nhà của họ hàng và nhờ họ hàng giúp đỡ dọn dẹp nhà cửa sau những cơn bão, lụt và vay tiền nếu cần hỗ trợ tài chính.

Khi được hỏi sẽ nhờ ai trợ giúp, rất nhiều người (64%) trả lời rằng họ nhờ cậy sự giúp đỡ từ những người thân trong gia đình, hay họ hàng của mình (Bảng 5). Cũng có một số người (13%) nói họ nhờ bạn bè giúp đỡ. Số người phỏng vấn nói đã từng nhờ sự giúp đỡ của cộng đồng và cán bộ thôn, xã cũng không nhiều (25%). Điều này phải chăng có nghĩa là người dân chưa tin tưởng sẽ nhận được sự giúp đỡ từ các cán bộ thôn, xã. Hầu hết những người tham gia phỏng vấn mong muốn nhận được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương về lương thực và nước sạch nếu có bão lụt.

Chỉ có 7% người được phỏng vấn trả lời là có vay tiền của người cùng làng và phải trả lãi rất cao (3%/tháng). Người dân cũng nói vay tiền của ngân hàng chính sách được ít và thủ tục rườm rà.

**Bảng 5.** Các nguồn trợ giúp của hộ gia đình

Nguồn	Tần xuất	%
Họ hàng	95	64%
Bạn bè, láng giềng	19	13%
Cán bộ thôn, xã	37	25%
Nguồn khác	10	7%

Nguồn: Điều tra hộ gia đình, 2009.

Sự hình thành và hoạt động của một số nhóm nhỏ trong cộng đồng nhằm hỗ trợ lẫn nhau trong đời sống cũng như thích ứng với biến đổi khí hậu tỏ ra rất có hiệu quả. Ví dụ như, các hoạt động không chính thức về hỗ trợ tài chính của các nhóm phụ nữ. Những người phụ nữ nhóm lại thành những nhóm nhỏ để hỗ trợ tài chính quay vòng, trong đó, các thành viên đóng góp một phần nhỏ tiền hàng tháng để cho thành viên khác vay. Số tiền đó sẽ được luân chuyển hàng tháng trong các hội viên. Sau các đợt bão lụt, hoạt động này khá sôi nổi trong thôn xóm. Hoạt động này có thể thực hiện trong nhóm phụ nữ, hoặc với các anh chị em trong gia đình hoặc dòng tộc. Hoạt động của các nhóm khác như Hội đồng ngũ (những người tham gia quân ngũ cùng với nhau), Hội đồng môn (những người đi học cùng trường), và Hội xóm (những người ở gần nhau) cũng nhằm hỗ trợ lẫn nhau về lao động, tài chính và đặc biệt là trong việc thích ứng với các thiên tai bão lụt. Trong trận lụt lịch sử năm 2008, người dân thôn Tiến Tiên thuộc các hội này đã tổ chức chia sẻ gạo, củi và những vật dụng cần thiết để hỗ trợ nhau.

Những mối liên kết xã hội này rất chặt chẽ tại vùng đồng bằng sông Hồng và là một điểm sáng trong hy vọng rằng đó sẽ là một loại hình thể chế không chính thức có thể giúp làm giảm đi một số tác động của biến đổi khí hậu. Vấn đề cần thiết là hiểu được tổ chức và phương thức hoạt động của những thể chế không chính thức này rõ hơn để giúp hệ thống chính thống hỗ trợ và khuyến khích các hệ thống phi chính thống này.

### Tham gia các hoạt động tập thể

Burton *et al.* (1993) chia các hoạt động tập thể trong thích ứng với các hiện tượng khí hậu theo ba nhóm như sau: (i) giảm độ nhạy cảm của hệ thống đối với biến đổi khí hậu, thông qua ngăn chặn hay chia sẻ thiệt hại; (ii) thay đổi các ảnh hưởng tiềm năng của hệ thống đối với biến đổi khí hậu, như xây nơi trú ẩn cho cộng đồng, hay trồng cây xanh; và (iii) tăng cường khả năng chống chịu để ứng phó với thay đổi, như gia tăng vốn hay thành lập tổ chức mới. Các loại hình hoạt động tập thể này do bản chất và mức độ nghiêm trọng của các sự kiện thiên tai quyết định.

Tại điểm nghiên cứu, hầu hết người dân địa phương có tham gia các hoạt động tập thể và tham gia ở mức độ khác nhau. Nhóm nghiên cứu đã thu thập một danh sách các hoạt động mà cộng đồng thôn thực hiện trước, trong và sau trận lụt năm 2008 (được liệt kê trong Bảng 6). Kết quả phỏng vấn cho thấy, một số hoạt động được người dân tham gia nhiều hơn, những hoạt động đó là:

- Sửa đường sá chuẩn bị cho sơ tán;
- Giúp mọi người củng cố và thu hoạch mùa vụ;
- Chuẩn bị tuyến đường sơ tán;
- Tham gia các hoạt động sơ tán;
- Tham gia các hoạt động cứu hộ, cứu trợ;
- Tham gia củng cố đê điều;
- Đóng góp cứu trợ;
- Vệ sinh thôn xóm sau bão, lụt.

Điểm đáng chú ý là trong các hoạt động nêu trên, vệ sinh làm sạch thôn xóm là hoạt động kêu gọi được hầu hết mọi người (93%) tham gia. Cán bộ các đoàn thể là những nhân tố tích cực tổ chức các hoạt động này.

**Bảng 6.** Các hoạt động tập thể phổ biến nhất ở cấp cộng đồng

	Hoạt động	Chương Mỹ
Trước lụt	Đưa ra các cảnh báo sớm	
	Phối hợp với chính quyền nhằm cung cấp thiết bị sơ tán	
	Nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai	
	Giúp mọi người củng cố và thu hoạch mùa vụ	x
	Chuẩn bị các tuyến đường sơ tán	x
	Chuẩn bị túi cát chặn đê	
	Nạo vét các kênh rạch/ống cống	
	Huy động quỹ giảm nhẹ nguy cơ thảm họa	x
	Các hoạt động khác (VD: di chuyển gia súc tới nơi an toàn)	
Trong lụt	Giúp sơ tán	x
	Tham gia hoạt động cứu hộ	x
	Hỗ trợ hoạt động cứu trợ	
	Quan trắc tình hình	
	Gia cố đê điều	x
	Hút nước ra	
	Các hoạt động khác (chuẩn bị thuyền, cung cấp chỗ tạm trú)	
Sau lụt	Đánh giá điều kiện xã hội để làm cơ sở cho việc phân phối cứu trợ	x
	Sửa chữa/xây dựng lại những nhà bị phá hủy	
	Kéo dài thời gian vay cho các thành viên cộng đồng	
	Gửi hàng hóa/hỗ trợ thiên tai cho những người bị ảnh hưởng	x
	Dọn dẹp môi trường	x
	Huy động sự hỗ trợ hàng hóa thiên tai cho cộng đồng	
	Các hoạt động khác	

Nguồn: Điều tra thực địa, 2009.

Tại Chương Mỹ năm 2008, do trận lụt lịch sử mà các hoạt động tập thể được nhiều người tham gia nhất đều thuộc nhóm 1 theo quan điểm của Burton *et al.* (1993). Đó là những hoạt động phản ứng nhanh, đối phó với tình huống nguy hiểm, nhằm giảm bớt hay chia sẻ thiệt hại. Các hoạt động này tập trung vào công tác cứu nạn và cứu trợ, hay các hoạt động nhằm giảm mức độ nhạy cảm đối với sự kiện khí hậu đó. Phần lớn các hoạt động tập thể ở Chương Mỹ do các hộ gia đình thực hiện. Các hoạt động này tiêu tốn nhiều thời gian hơn là kỹ thuật hay tiền bạc. Nói cách khác, phần lớn các hoạt động tập thể đang được thực hiện đều là những hoạt động “dễ dàng”, chỉ đòi hỏi một chút hy sinh về thời gian hoặc tiền bạc. Trong tương lai, liệu có nên và có thể thực hiện được các hoạt động “khó” hơn, thuộc nhóm 2 hay 3 hay không? Câu trả lời chắc chắn là có, song điều này có thể sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc thuyết phục người dân tham gia và cân bằng các lợi ích nhóm.

Hoạt động tập thể còn được thể hiện ở sự tham gia vào các tổ chức đoàn thể và hội họp trong thôn xã. Khi được hỏi có tham gia các buổi họp thôn để bàn về các vấn đề chung không, gần một nửa số người được phỏng vấn (46%) nói họ có tham gia một hoặc hai lần trong một năm (xem Bảng 7), trong khi hơn 20% số người được phỏng vấn nói họ tham gia họp thôn hàng tháng. Điều đáng chú ý là có 13% trả lời họ không bao giờ tham gia các buổi họp thôn. Điều này có thể là một biểu hiện của sự thiếu gắn kết trong cộng đồng thôn, xã. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy chỉ có 30% người được phỏng vấn trả lời đã từng chia sẻ kinh nghiệm và sự hiểu biết về thiên tai và biến đổi khí hậu với hàng xóm láng giềng. Đặc biệt, có tới 20% nói rằng họ chưa bao giờ trò chuyện chia sẻ với bất kỳ ai trong thôn về kinh nghiệm tránh lụt bão.

**Bảng 7.** Tần suất tham gia các buổi họp thôn

Có thường xuyên	Số người tham gia	%
1 lần / tuần	1	1.0
1 lần / tháng	33	22.0
1 lần / 3 tháng	20	13.0
1 hoặc 2 lần / năm	69	46.0
Không bao giờ	20	13.0

Nguồn: Điều tra hộ gia đình, 2009.

Về việc tham gia các tổ chức xã hội và đoàn thể, hầu hết các đại diện hộ gia đình đều cho biết có tham gia ít nhất là một tổ chức đoàn thể (các đoàn thể bao gồm Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ lão, Hội Chữ thập Đỏ). Có một số hộ tham gia 2-3 tổ chức, do cấu trúc các thành viên của hộ (ví dụ: vợ tham gia Hội Phụ nữ, chồng tham gia Hội Cựu chiến binh...). Hai phần ba số hộ cho rằng họ đã tham gia tích cực vào các hoạt động của các tổ chức này.

Như đã trình bày ở phần trên, các hoạt động tập thể tại điểm nghiên cứu là có, song vẫn còn ở mức độ thấp. Một vài người được phỏng vấn nói, họ không tin tưởng rằng họ có thể giúp được những người khác trong những tình huống bão lụt nguy hiểm. Một số lớn những người khác cho rằng các hoạt động tập thể và cộng đồng không hiệu quả trong các tình huống như vậy. Kết quả phỏng vấn cho thấy, những lý do chính được đưa ra để giải thích cho việc thiếu các hoạt động tập thể là:

- Không biết nhau;
- Không biết thực hiện hoạt động tập thể như thế nào;
- Không có người tổ chức/lãnh đạo cho hoạt động tập thể;
- Đó là vai trò của Chính phủ phải thực hiện;
- Mất mát cũng nhỏ/không đủ quan tâm để hành động tập thể;
- Coi hành động tập thể không hiệu quả;
- Thiếu các thành viên gia đình để hỗ trợ các hoạt động tập thể.

### **Hướng tới khả năng thích ứng tốt hơn của cộng đồng: Nâng cao vốn xã hội để củng cố hoạt động tập thể**

Nghiên cứu này chỉ ra rằng, người dân đã và đang sử dụng “vốn xã hội” để xây dựng một hệ thống hỗ trợ “không chính thức” giữa các nhóm xã hội, nhằm giúp họ thích ứng với các hiện tượng có liên quan đến biến đổi khí hậu. Nhưng “vốn xã hội” này chưa được nhìn nhận nghiêm túc trong chiến lược thích nghi dài hạn tại các điểm nghiên cứu mà tập trung chủ yếu vào việc làm tăng khả năng thích ứng của hệ thống để đối phó với những thay đổi. Thực tế cho thấy rằng, cơ chế đối phó truyền thống này của người dân đang chịu áp lực của những thay đổi khí hậu mới ngày càng tăng. Thiếu các hoạt động tập thể, trợ giúp lẫn nhau là một trong những rào cản lớn đối với nỗ lực gia tăng khả năng thích ứng của cộng đồng. Vậy có thể thực hiện điều gì để tăng cường vốn xã hội có hiệu quả?

Xét về mặt cộng đồng và các thể chế khác, vẫn chưa có sự hiểu biết rõ về bản chất lâu dài của biến đổi khí hậu. Vấn đề chính trong việc đối phó với các hiện tượng biến đổi khí hậu ở cấp huyện là việc thiếu nhân lực và do công nghệ kém. Nhận thức về biến đổi khí hậu vẫn còn thấp ở tầng lớp lãnh đạo và cán bộ. Vấn đề này thường được hiểu nhầm đơn thuần chỉ là thiên tai. Thách thức chính khác là nâng cao hệ thống quy hoạch đất đai cấp tỉnh. Hiện tại, nhiều vùng đất được quy hoạch cho sản xuất nông nghiệp đã bị chuyển đổi thành đất công nghiệp, hoặc đất đô thị, mà không hề có các biện pháp phòng chống lụt. Việc thiếu chú ý đến các vấn đề biến đổi khí hậu trong quy hoạch đất đai có thể nhận thấy rõ ràng và phổ biến ở tất cả các cấp. Tất cả các kế hoạch của Ban Chỉ huy Phòng chống Lụt bão đều được làm cho một năm thay vì ba năm hoặc xa hơn. Các kế hoạch này được thông qua vào cuối tháng 4 hàng năm, ngay trước khi cơn bão đến, làm cho các cán bộ khó có thể thay đổi kế hoạch nếu cần.



Do đó, các hoạt động vẫn còn tập trung vào các kế hoạch ngắn hạn để chuẩn bị đối phó với thảm họa chứ không phải là thích nghi lâu dài. Không có quỹ mới cho việc thích nghi với biến đổi khí hậu và phần lớn các công việc đều được tài trợ bên ngoài khoản ngân sách nhỏ được phân bổ độc lập với các sự kiện thời tiết đã được dự báo. Do vậy, cần có quy hoạch trong tương lai, nhằm đánh giá các lựa chọn thích nghi mới nào có thể khả thi tại các khu vực dễ bị tổn thương.

Trong trường hợp của Việt Nam, cơ cấu phản hồi với các sự kiện khí hậu của các cán bộ địa phương chủ yếu thông qua Tiểu ban Chỉ huy Phòng chống Lụt bão, được thành lập tại tất cả các thôn nghiên cứu. Tiểu ban này hoạt động theo cơ cấu dọc, có nghĩa là tiểu ban được chỉ đạo và hỗ trợ của Ban Chỉ huy Phòng chống Lụt bão ở các cấp cao hơn, bao gồm Ban Chỉ huy Phòng chống Lụt bão cấp xã, huyện, tỉnh và trung ương. Cơ cấu chính thống của hoạt động ứng phó lụt bão và thiên tai có nghĩa là có các kế hoạch rõ ràng từ huyện xuống xã, xuống thôn về việc ai chịu trách nhiệm cho các hoạt động khác nhau (ví dụ, trưởng thôn sẽ làm việc này, đại diện Hội Phụ nữ thôn sẽ làm việc kia, v.v...). Trong khi cơ cấu này có ích ở một vài khía cạnh, nó cũng tạo ra các tình huống, trong đó người dân địa phương không tự tổ chức các hoạt động tập thể do họ nghĩ rằng cán bộ địa phương có trách nhiệm với các hoạt động đó. Hay nói cách khác, khi các hộ gia đình mong đợi Chính phủ thực hiện các hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, họ có ít động cơ hơn tham gia vào hoạt động tập thể, do vai trò của Nhà nước đã “đẩy” sự hợp tác địa phương (Adger, 2003). Như vậy, các hoạt động thích nghi của cơ quan ở cấp Chính phủ có thể là nguyên nhân tạo ra hạn chế đối với hoạt động tập thể.

Vốn xã hội được dựa trên cơ sở của lòng tin, uy tín và hoạt động cùng có lợi. Nó ngày càng được nhận thức rõ trong ngành kinh tế để có các yếu tố cá nhân và tập thể. Sự hiện diện của vốn xã hội được đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng nhất khởi động và hỗ trợ hoạt động tập thể (Adger, 2003), do vốn xã hội có thể tham gia vào việc dàn xếp cả các thể chế công và thể chế tư xây dựng khả năng thích ứng khi đối diện với các nguy cơ của biến đổi khí hậu. Việc có vốn xã hội sẽ hỗ trợ cho việc xây dựng các quy chế và quy định chung, đảm bảo lợi ích các nhóm và hành động được các cá nhân ủng hộ (Pretty, 2003).

Nhằm nâng cao vốn xã hội, việc hợp tác chặt chẽ hơn giữa các nhóm khác nhau trong cộng đồng là cần thiết. Việc này có thể thông qua các chính sách và thể chế Nhà nước để khuyến khích hành động tập thể. Dietz *et al.* (2003) đã đưa ra các hướng chính sách quan trọng cho việc hỗ trợ các hoạt động tập thể. Những hướng đó bao gồm:

- Cung cấp thông tin.
- Giải quyết mâu thuẫn.
- Xây dựng sự đồng thuận về quy định.
- Cung cấp cơ sở hạ tầng thể chế, kỹ thuật và vật chất.
- Chuẩn bị sẵn sàng cho thay đổi.

Với thông tin đúng, cả hộ gia đình, cộng đồng và thể chế Nhà nước có thể đưa ra các quy định đầy đủ, nhằm giúp chỉ đạo hoạt động tập thể (như xác định rõ ai thực hiện việc vệ sinh kênh ngòi hoặc gia cố đê). Với các quy định rõ ràng và đúng chỗ, có thể tránh được các mâu thuẫn (ví dụ, hộ gia đình không tham gia vào hoạt động cộng đồng có thể được khuyến khích tham gia hoặc bị phạt khi cần thiết), nhằm tạo nên sự đồng thuận với các quy định đã được thống nhất đó. Ví dụ như, có thể đề ra quy định rằng tất cả các hộ gia đình phải đóng góp trong một năm một số ngày lao động cụ thể cho các hoạt động thích nghi khí hậu, như trồng cây chắn hạn. Cơ sở hạ tầng về kỹ thuật và thể chế có thể được các cơ quan Nhà nước cung cấp, như nơi họp hoặc thiết bị kỹ thuật như thuyền cứu hộ, mà các cộng đồng thống nhất theo dõi và kiểm tra việc sử dụng. Tất cả các nguyên tắc này sau đó có thể khuyến khích cơ chế linh hoạt, có chi phí thấp đối với việc thích nghi khí hậu trong tương lai.

Vốn xã hội là khả năng có thể nhận được sự hỗ trợ khi phải đối mặt với các hiện tượng thiên tai, là lòng nhiệt tình tham gia vào hoạt động của các tổ chức xã hội của cộng đồng. Tăng cường vốn xã hội có thể tăng cường năng lực thích ứng và khả năng chống chịu của cộng đồng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adger, W.N., 2003. Social Capital, Collective Action, and Adaptation to Climate Change. *Economic Geography*, 79(4): 387-404.
- Adger, W.N. *et al.*, 2005. Successful Adaptation to Climate Change Across Acales. *Global Environmental Change*, 15: 77-86.
- Agrawal, A., 2001. Common Property Institutions and Sustainable Governance of Resources. *World Development*, 29 (10): 1623-1648.
- Báo Lao động, 2009. Dân số Hà Nội tăng nhanh. <http://www.laodong.com.vn>, tháng 5 năm 2009.
- Burton, I., R.W. Kates, G.F. White, 1993. *The Environment as Hazard*. Guildford, New York.
- Dietz, T. *et al.*, 2003. The Struggle to Govern the Commons. *Science*, 1907: 302.
- Trần Đăng, 2004. Cảnh giác trước những hiểm họa thiên tai. *Nhân dân*, Số 27(805), ngày 4 tháng 7.
- GOV, 2008. National Target Program for Climate Change. 8th Version. Government of Vietnam.
- Hanneman, R.A. and M. Riddle, 2005. *Introduction to Social Network Methods*. Riverside, CA: University of California, Riverside.
- Hardin, R., 1982. *Collective Action*. Baltimore: Johns Hopkins Press.
- IPCC, 2007. Asia. *Climate Change 2007: Impacts, Adaptation and Vulnerability*. Contribution of Working Group II to the Fourth Assessment Report on the Intergovernmental Panel on Climate Change. Cambridge University Press. Cambridge, UK: 469-506.
- Trần Tiến Khanh và Nguyễn Khoa Diệu Lê, 2001. Nguyên nhân lũ lụt lớn ở đồng bằng sông Hồng. [http://www.vnbaolut.com/lulutSH\\_uni.htm](http://www.vnbaolut.com/lulutSH_uni.htm).
- Ministry of Fisheries, 2005. Review Report on Prevention of Floods and Storms and Typhoons and Quarantee of Safety for Fishing Boats. Hanoi, MOF
- Olsen, M., 1965. *The Logic of Collective Action: Public Goods and the Theory of Groups*. Cambridge: Harvard University Press.
- Ostrom, E., 2000. Collective Action and the Evolution of Social Norms. *The Journal of Economic Perspectives*, 14 (3): 137-158.
- Poteete, A. and E. Ostrom, 2004. In Pursuit of Comparable Concepts and Data About Collective Action. *Agricultural Systems*. 82: 215-232.
- Pretty, J., 2003. Social Capital and the Collective Management of Resources. *Science*, 302: 1912.
- UBND huyện Chương Mỹ, 2009. Số liệu thống kê điều kiện kinh tế-xã hội huyện Chương Mỹ năm 2008-2009.
- UBND xã Tân Tiến, 2009. Báo cáo phát triển kinh tế-xã hội năm 2008-2009.
- UN News Centre, 2009. <http://www.un.org/apps/news/story.asp?NewsID=32132&Cr=climate+change&Cr1>. 21 September.
- Nguyễn Văn Việt, 2008. Tác động của biến đổi khí hậu tới sản xuất nông nghiệp. Báo cáo tại Hội thảo Tham vấn về biến đổi khí hậu. Hà Nội, tháng 11 năm 2008. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường.